

XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Build spatial and non-spatial database to serve collecting land use fee

Hồ Thị Lam Trà, Phạm Văn Vân, Vũ Hương Ngọc Hà

Khoa Tài nguyên và Môi trường, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

SUMMARY

Land related revenues to the state budget shall include the following fees: land use fees where land is allocated with land use fee payable, change of land use purposes from land allocated free of land use fee to land allocated with land use fee payable, change from leased land to land allocated with land use fee payable. The Government shall stipulate regulations on collecting land use fees. The data in non-spatial form could be the descriptive attributes associated with spatial features like: land parcels' indexes and other information; land users' details and information on their use of the land; land prices stipulated by the State; land use fee, etc. In this study, the spatial and non spatial database were built to serve collecting land use fee in Vocuong precinct, Bacninh city, Bacninh province.

Key word: GIS, land use fee, non spatial database, spatial database.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thu tiền sử dụng đất là một công tác không thể thiếu trong quản lý tài chính về đất đai của nhà nước để đảm bảo việc công bằng trong sử dụng đất. Căn cứ tính thu tiền sử dụng đất là diện tích đất, giá đất và thời hạn sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, công tác tính và thu tiền sử dụng đất thực hiện trong những năm vừa qua hoàn toàn theo phương pháp truyền thống, việc tính toán, tra cứu khi tính tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình và các tổ chức thường mất rất nhiều thời gian.

Hiện nay, hệ thống thông tin địa lý (GIS) đã được ứng dụng vào các lĩnh vực của cuộc sống, bao gồm cả lĩnh vực quản lý thông tin đất (Võ Quang Minh và Ngô Ngọc Hưng (2004), Phạm Văn Vân, Hồ Thị Lam Trà (2006))... Nghiên cứu này tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh để làm cơ sở giúp cho công tác thu tiền sử dụng đất được thuận lợi và có thể cập nhật bổ sung kịp thời khi có những thay đổi.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu chọn phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh làm địa điểm nghiên cứu, bởi đây là một nơi có quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ. Từ một xã nông nghiệp nằm sát thị xã Bắc Ninh (năm 2006), Võ Cường được chuyển thành

một trong 19 phường xã của thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (năm 2007). Nghiên cứu này được tiến hành trong 2 năm: 2006-2007.

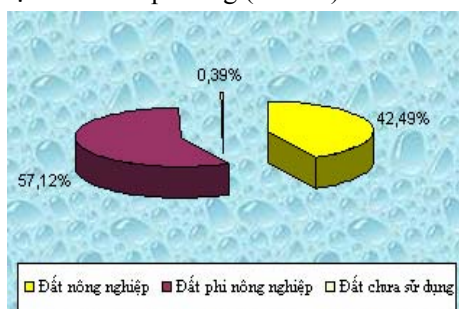
Các tài liệu, số liệu, dữ liệu, sự kiện và thông tin có sẵn cần thiết được điều tra, thu thập phục vụ công tác thu tiền sử dụng đất. Để tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thu tiền sử dụng đất ở phường Võ Cường chúng tôi tiến hành: Thu thập bản đồ địa chính; Thu thập biểu thống kê đất đai của phường qua các năm; Thu thập số mục kê, số địa chính, số đăng ký đất đai; số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số theo dõi biến động đất đai của phường và các tài liệu liên quan đến công tác giao đất trong những năm qua; Thu thập các bảng giá đất quy định của tỉnh Bắc Ninh...

Các số liệu được xây dựng, phân tích thống kê bằng phần mềm MapInfo. Đây là một trong các phần mềm của hệ thống GIS để xây dựng cơ sở dữ liệu không gian và các dữ liệu thuộc tính phân tích. Các dữ liệu không gian bao gồm các loại bản đồ chuyên đề như: bản đồ phân loại đường phố, bản đồ vị trí thửa đất, bản đồ giá đất... làm cơ sở quản lý và cung cấp thông tin cho công tác thu tiền sử dụng đất. Các dữ liệu thuộc tính phân tích và thống kê bao gồm các thông tin liên quan đến công tác thu tiền sử dụng đất như chủ sử dụng đất, thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc thửa đất... phục vụ cho công tác thu tiền sử dụng đất.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của địa bàn nghiên cứu

Võ Cường có tổng diện tích tự nhiên là 795,36 ha (tính đến 31/12/2007). Trong đó, đất nông nghiệp là 337,91 ha chiếm 42,49%; đất phi nông nghiệp là 454,33 ha chiếm 57,12%; và đất chưa sử dụng là 3,12 ha chiếm 0,39% tổng diện tích tự nhiên của phường (Hình 1).



Hình 1. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất của phường Võ Cường, năm 2007

Hệ thống sổ sách ở phường hiện vẫn còn lưu trữ ở dạng giấy, vì vậy đã gây nhiều bất tiện cho

việc quản lý hồ sơ. Hiện tại phường Võ Cường vẫn còn trên 251 hộ chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Thành phố Bắc Ninh là một thành phố trẻ, quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ, chính vì vậy, các khu dân cư mới được phát triển khá nhanh chóng, quỹ đất nông nghiệp đang ngày càng bị thu hẹp. Trên địa bàn phường Võ Cường, hiện đã, đang và sẽ có tới 12 dự án về khu dân cư mới, khu tái định cư...

Hiện tại khu tái định cư Hòa Đình 1 có tổng diện tích là 7.468 m² với 96 lô đất đã thu về cho ngân sách Nhà nước gần 1,5 tỷ đồng. Các lô đất đã được thanh toán hết tiền sử dụng đất và đã được giao cho người sử dụng.

Khu dân cư Hòa Đình 2 có tổng diện tích là 2,4 ha với 152 thửa đất, nhưng hiện tại, nhưng mới chỉ có 17 thửa đất được thanh toán với số tiền là 798.161,8 nghìn đồng (Bảng 1). Số thửa chưa thanh toán là 135 thửa với số tiền là 5.069.969 nghìn đồng. Các thửa chưa thanh toán thì chưa được giao đến tay người dân vì họ chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

Bảng 1. Tổng hợp thu tiền sử dụng đất khu dân cư Hòa Đình 2

STT	Số thửa	Đơn giá (nghìn đồng/m ²)	Diện tích/lô (m ²)	Tổng tiền sử dụng đất (nghìn đồng)	Tình hình thanh toán tiền sử dụng đất
1	6	900	76,7-80,3	420.570,6	Chưa thanh toán
2	2	900	78,0-80,3	142.470,0	Đã thanh toán
3	4	800	78,1-80,0	251.280,0	Chưa thanh toán
4	4	800	77,9-80,0	254.320,0	Đã thanh toán
5	9	532	76,4-81,8	379.741,6	Chưa thanh toán
6	3	532	78,0-80,6	127.094,8	Đã thanh toán
7	116	432	77,8-87,6	4.018.377,6	Chưa thanh toán
8	8	431	75,8-82,9	274.276,8	Đã thanh toán
Tổng	152		24.130,8	5.868.130,8	Chưa thanh toán

Nguồn số liệu: Tổng hợp từ Phòng TN & MT thành phố Bắc Ninh.

Các khu dân cư mới đang chuẩn bị tiến hành đấu giá và một số khu đang điều chỉnh lại quy hoạch như khu Xuân Ổ, khu Khả Lễ... Vì vậy việc xây dựng một cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thu tiền sử dụng đất là khá cần thiết cho phường Võ Cường ở thành phố Bắc Ninh.

3.2. Quy định về thu tiền sử dụng đất

Với thực trạng của phường Võ Cường, công tác thu tiền sử dụng đất theo các nội dung chính: thu tiền sử dụng đất khi giao đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất sử dụng ổn

định lâu dài theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không qua đấu giá quyền sử dụng đất; thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất...

Việc giao đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thì thu tiền sử dụng đất cụ thể: Diện tích đất tính thu tiền sử dụng đất là diện tích đất được Nhà nước giao, được phép chuyển mục đích sử dụng, được chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giá đất tính thu tiền sử

dụng đất trong trường hợp đấu giá đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất là giá đất trúng đấu giá (Nghị định 198/2004/NĐ-CP).

Giao đất sử dụng ổn định lâu dài theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không qua đấu giá quyền sử dụng đất thì thu tiền sử dụng đất được tính theo căn cứ: Diện tích đất tính thu tiền sử dụng đất là diện tích đất được Nhà nước giao, được phép chuyển mục đích sử dụng, được chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giá đất tính thu tiền sử dụng đất là giá đất theo mục đích sử dụng đất được giao tại thời điểm giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành theo quy định của Chính phủ (Nghị định 198/2004/NĐ-CP).

Thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân: Chuyển từ đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư không được công nhận là đất ở sang làm đất ở thì thu tiền sử dụng đất bằng 50% chênh lệch giữa thu tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với thu tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp; Chuyển mục đích sử dụng đất có nguồn gốc từ nhận chuyển nhượng của người sử dụng đất hợp pháp sang đất ở thì thu tiền sử dụng đất như sau: Đất nhận chuyển nhượng có nguồn gốc là đất nông nghiệp, thu tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa thu tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với thu tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp; Đất nhận chuyển nhượng có nguồn gốc là đất phi

nông nghiệp (không phải là đất ở), thu tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa thu tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với thu tiền sử dụng đất tính theo giá đất phi nông nghiệp.

Chuyển mục đích sử dụng từ đất ở được giao sử dụng ổn định lâu dài sang đất làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh thì không thu tiền sử dụng đất.

Chuyển mục đích sử dụng từ đất giao có thời hạn sang đất ở (thời hạn ổn định lâu dài), tiền sử dụng đất được thu tính theo giá đất ở trừ tiền sử dụng đất đã nộp theo giá đất của loại đất giao có thời hạn.

3.3. Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác thu tiền sử dụng đất

3.3.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu không gian

Các bản đồ địa chính dạng số thu thập được ở phường Võ Cường được làm ở trên phần mềm MicroStation, vì vậy, các bản đồ số được sử dụng để rà soát chỉnh lý các biến động cho phù hợp với hiện trạng, đặc biệt là các khu đất đã, đang và sẽ đấu giá trong thời gian tới và chuyển bản đồ đó sang MapInfo để nhập dữ liệu thuộc tính.

3.3.2. Xây dựng cơ sở dữ liệu thuộc tính

Để phục vụ cho công tác thu tiền sử dụng đất, các cơ sở dữ liệu thuộc tính được xây dựng như sau: cơ sở dữ liệu thửa đất, cơ sở dữ liệu về giao thông, cơ sở dữ liệu về vị trí thửa đất, cơ sở dữ liệu về đơn giá.

Xây dựng cơ sở dữ liệu thuộc tính với thửa đất

Bảng 2. Dữ liệu thuộc tính của thửa đất theo hệ thống hồ sơ địa chính

Tên trường viết tắt	Tên trường viết đầy đủ	Giải thích
To_so	Tờ bản đồ số	Số thứ tự của tờ bản đồ địa chính của phường
So_thua	Số thửa	Số thứ tự của thửa đất trên 1 tờ bản đồ địa chính
Ma_thua	Mã thửa	2 chữ số đầu là số thứ tự tờ bản đồ địa chính, 3 chữ số sau là số thứ tự của thửa đất trên tờ bản đồ địa chính đó
Chu_su_dung	Chủ sử dụng	Họ và tên chủ sử dụng/quản lý thửa đất
Vo_chong	Tên vợ/chồng	Họ tên vợ (hoặc chồng)
Dien_tich	Diện tích	Diện tích của thửa đất (m ²)
DT_su_dung	Sử dụng chung/riêng	Diện tích sử dụng chung (hoặc) riêng (m ²)
Dia_chi	Địa chỉ	Địa chỉ của chủ sử dụng đất
Loai_dat	Loại đất	Theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường
Nguon_goc	Nguồn gốc	Nguồn gốc sử dụng của thửa đất
Muc_dich_SD	Mục đích SD	Mục đích sử dụng hiện trạng, quy hoạch của thửa đất
Bien_dong	Biến động	Biến động (nếu có) của thửa đất trong quá trình sử dụng đất
So_GCN	Số giấy CN	Số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Nam_cap_giay	Năm cấp giấy	Ngày, tháng, năm mà thửa đất đó nhận quyết định cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Ghi_chu	Ghi chú	Các ghi chú khác nếu cần thiết

Thuộc tính của các thửa đất theo hồ sơ địa chính được tổng hợp từ bản đồ địa chính, sổ mục kê, sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ địa chính, sổ theo dõi biến động đất đai (Bảng 2 và Hình 2). Hình 2 là sơ đồ các thửa đất và thông tin của thửa đất có mã đất 08045.



Hình 2. Thuộc tính cơ bản của thửa đất theo nội dung hồ sơ địa chính

Để xác định được giá của thửa đất phải căn cứ vào vị trí của thửa đất, đơn giá của thửa đất,... chi tiết các thông tin về tiền sử dụng có liên quan đến thửa đất được thể hiện qua bảng 3 và hình 3. Hình 3 là thông tin của thửa đất có mã là 37176 với các dữ liệu liên quan đến tiền sử dụng đất.



Hình 3. Thuộc tính cơ bản của thửa đất liên quan đến tiền sử dụng đất

Bảng 3. Dữ liệu thuộc tính của thửa đất liên quan đến tiền sử dụng đất

Tên trường viết tắt	Tên trường viết đầy đủ	Giải thích
Ma_thua	Mã thửa	Gồm 2 chữ số đầu là số thứ tự từ bản đồ địa chính, 3 chữ số sau là số thứ tự của thửa đất trên tờ bản đồ địa chính đó.
Dien_tich	Diện tích	Đơn vị m ² , diện tích của thửa đất
Vi_tri	Vị trí thửa đất	Vị trí của các thửa đất khi xác định giá đất
Don_gia	Đơn giá	Đơn giá theo quy định của nhà nước (nghìn đồng/m ²)
Tien_sddat	Tiền sử dụng đất	Số tiền sử dụng đất mà các chủ sử dụng phải nộp/thửa đất
Thue_tb	Thuế trước bạ	Đã nộp/nợ thuế trước bạ
Ghi_chu	Ghi chú	Các ghi chú khác nếu cần thiết. Ví dụ như trong thu tiền sử dụng đất ghi chú các trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng đất

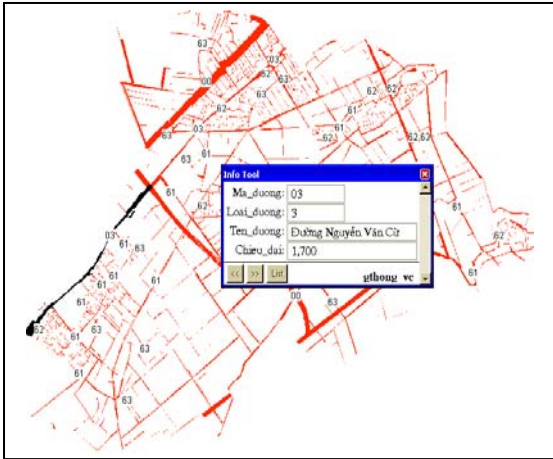
Xây dựng cơ sở dữ liệu với hệ thống giao thông

Để cung cấp thông tin cho phục vụ cho công tác thu tiền sử dụng đất, ta phải có được bản đồ phân loại đường phố. Thông tin của các tuyến đường giao thông được xây dựng với các trường như bảng 4.

Ví dụ: Trên hình 4, sơ đồ hệ thống giao thông trong phường Võ Cường. Trên đó ngoài thông tin về không gian nó còn cung cấp cho chúng ta các thông tin thuộc tính về các tuyến đường như tên đường (đường Nguyễn Văn Cừ), loại đường (3), chiều dài tuyến đường (1700 m).

Bảng 4. Thuộc tính của lớp giao thông

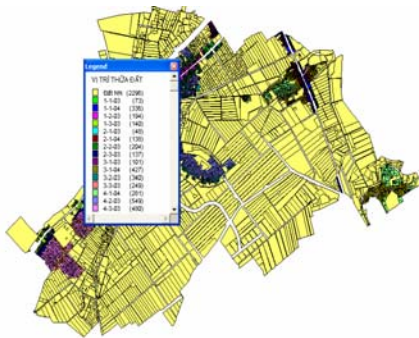
Tên trường	Giải thích
Ma_duong	Mã của đường phố đó trong bảng giá đất
Loai_duong	Loại đường phố theo quy định của UBND tỉnh Bắc Ninh
Ten_duong	Tên của đường phố đó
Chieu_dai	Chiều dài tuyến đường (m)



Hình 4. Sơ đồ đường, phố phường Võ Cường

*** Xây dựng bản đồ về vị trí thửa đất**

Dựa trên bản đồ địa chính, bản đồ phân loại đường phố của phường, ta tiến hành nhập thuộc tính vị trí cho các thửa đất, và trên cơ sở đó ta xây dựng bản đồ vị trí thửa đất của phường Võ Cường (Hình 5). Bản đồ về vị trí thửa đất được thể hiện bằng màu sắc và máy tính cũng thống kê cho chúng ta biết mỗi một vị trí có bao nhiêu



Hình 5. Sơ đồ vị trí thửa đất phường Võ Cường

*** Tính tiền sử dụng đất**

Căn cứ vào quy định của Chính phủ tại Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về thu tiền sử dụng đất và của Bộ Tài chính (TT117/2004/TT-BTC) ngày 07/12/2004 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ - CP, các tài liệu liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của phường Võ Cường, trường thuộc tính liên quan đến tiền sử dụng đất của các hộ chưa nộp tiền sử dụng đất tại phường đã được xây dựng.

thửa đất (theo số thống kê của máy, phần trong ngoặc trong chú dẫn). Vị trí thửa đất được xây dựng cho tất cả các thửa đất trong toàn phường và được quy định mã như sau: A - B - C - D.

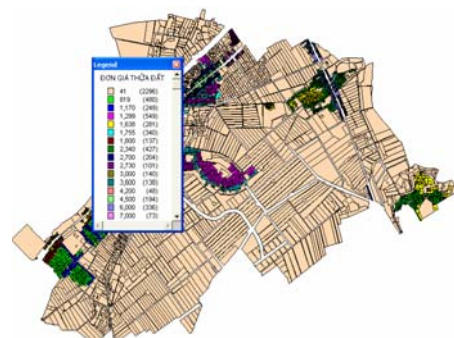
Trong đó:

- A : vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4)
- B : loại đường (I, II, III, IV...)
- C : mã đường (1, 2...n), với n = 1, 2, 3...
- D : số vị trí góc tiếp giáp với đường (2, 3) đối với các thửa đất chỉ tiếp giáp 1 đường thì không nhập giá trị này.

Ví dụ: Thửa 112, tờ bản đồ địa chính số 3 của phường Võ Cường nằm ở vị trí số 1 đường Nguyễn Trãi góc tiếp giáp với đường ngõ số có vị trí là 1-I-04-2.

*** Xây dựng bản đồ về giá đất**

Giá đất được xác định thông qua quy định của Nhà nước với loại đường, vị trí thửa đất từ việc nhập dữ liệu chi tiết cho từng thửa đất, kết quả có được bản đồ về đơn giá cho khu vực nghiên cứu và được thể hiện bằng màu sắc (Hình 6).

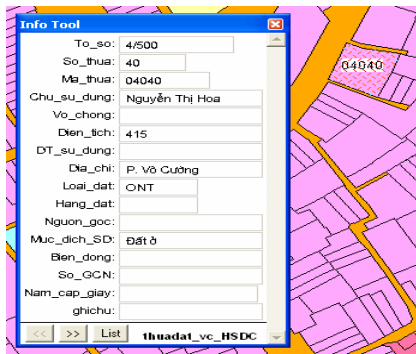


Hình 6. Bản đồ đơn giá đất phường Võ Cường

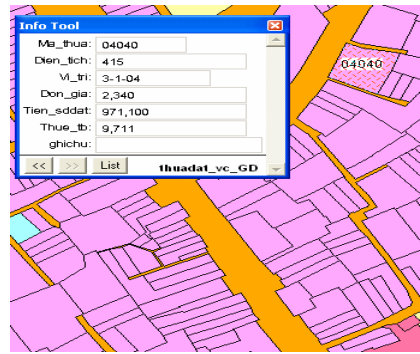
3.3.3. Sử dụng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thu tiền sử dụng đất tại phường Võ Cường thành phố Bắc Ninh

Dựa trên cơ sở dữ liệu được xây dựng, các nhà quản lý có thể tra cứu thông tin với các nội dung khác nhau như: tra cứu các chủ sử dụng đất chưa đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc tra cứu theo mã thửa đất...

Ở phường Võ Cường còn 251 hộ chưa đăng ký ban đầu và tổng số tiền sử dụng đất sẽ phải nộp là 151.589.488 nghìn đồng (với giá đất năm 2007) và 135 thửa đất đã được đấu giá với số tiền sử dụng đất phải nộp là 5.069.969 nghìn đồng.



Hình 6. Thông tin thửa đất 04040 theo hồ sơ địa chính



Hình 7. Thông tin thửa đất 04040 theo vị trí, đơn giá và tiền sử dụng đất

Ví dụ: Thửa đất có mã thửa là 04040 của chủ sử dụng là Nguyễn Thị Hoa với các thông tin chi tiết như hình 6 và hình 7, đây là thửa đất mà chủ sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận.

4. THẢO LUẬN

Có nhiều cách để quản lý các thông tin đất đai phục vụ cho công tác quản lý về đất đai nói chung và công tác thu tiền sử dụng đất nói riêng. Trong bài báo này, hệ thống GIS đã được sử dụng để quản lý các thông tin đất phục vụ công tác thu tiền sử dụng đất, cụ thể là phần mềm MapInfo. Sử dụng phần mềm MapInfo của GIS vào công tác thu tiền sử dụng đất mang lại khá nhiều ưu điểm như: Chức năng tạo bản đồ chuyên đề của MapInfo giúp nhà quản lý có thể tạo bản đồ phân loại đường phố, bản đồ vị trí thửa đất, bản đồ đơn giá đất một cách nhanh chóng; MapInfo còn cho khả năng chồng xếp những mảnh bản đồ xây dựng sau lên nền bản đồ hiện trạng cùng hệ quy chiếu chuẩn, giúp nhà quản lý dễ dàng trong việc biên tập lại dữ liệu không gian và quản lý dữ liệu thuộc tính; Chức năng phân tích số liệu thuộc tính của MapInfo khá cao từ đó giúp nhà quản lý đất đai có thể thêm các trường thuộc tính cần thiết khác, có thể trực tiếp, hoặc thông qua các trường thuộc tính thô có sẵn; Các chức năng như Find, SQL Select giúp nhà quản lý dễ dàng tìm những thông tin cần thiết. Chức năng Calculate Statistics giúp nhà quản lý tính tổng số thửa đất thỏa mãn thông tin tra cứu, tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của thông tin đó... Mặc dù là một phần mềm dễ sử dụng nhưng lại viết bằng tiếng Anh, do vậy nhà quản lý phải biết qua về các chức năng trên phần mềm. Việc quản lý gọn nhẹ nhưng lại nằm hoàn toàn trên máy tính, điều đó cũng bất lợi nếu máy tính bị virus xâm hại, dễ gây mất dữ liệu toàn bộ hay

nếu mất điện dẫn đến việc không xử lý được số liệu trên máy tính.

5. KẾT LUẬN

Cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thu tiền sử dụng đất cho phường Võ Cường thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã được xây dựng bao gồm: Cơ sở dữ liệu về không gian (bản đồ về hiện trạng hệ thống giao thông, bản đồ vị trí thửa đất, bản đồ giá đất...); Cơ sở dữ liệu thuộc tính (các thông tin chi tiết cho từng thửa đất, cho từng tuyến đường...).

Từ cơ sở đó có thể giúp các nhà quản lý, các nhà lãnh đạo có thể thực hiện tốt hơn công tác quản lý nhà nước về đất đai đặc biệt là công tác thu tiền sử dụng đất và điều chỉnh khi có những biến động liên quan đến việc sử dụng đất.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tài chính, Thông tư số 117/2004/TT - BTC (07/12/2004). Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ - CP
- Chính phủ, Nghị định số 198/2004/NĐ - CP (03/12/2004) về thu tiền sử dụng đất.
- Võ Quang Minh và Ngô Ngọc Hưng (2004). *Hệ thống thông tin địa lý (GIS) liên kết với hệ thống hỗ trợ quyết định DSSAT hỗ trợ đánh giá quy hoạch sử dụng đất*. Tạp chí khoa học Đất, số 20, tr. 97-105
- Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bắc Ninh (2006, 2007). *Các số liệu thống kê về diện tích, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... và các số mục kê, số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...*
- Phạm Văn Vân, Hồ Thị Lam Trà (2006). *Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý đất đai xã Đại Đông, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên*. Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, số 3+4, tr. 57-60.